TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2026
"*V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Mỹ Trang
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh
Bà Dương Thị Hương Giang
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Hoà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực - Quảng Trị
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa***: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 -Quảng Trị mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2026/TLST - HNGĐ ngày 09/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/5/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Mỹ L, sinh ngày 07/10/1997; CCCD: 044197006234; đăng ký HKTT: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện tại: Số H T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Xuân D, sinh ngày 10/8/1995; CCCD: 044095006414; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị; hiện cư trú tại: Đài Loan, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà chị Hồ Thị Mỹ L *trình bày:* Chị và anh Trần Xuân D tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/02/2017. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình. Thời gian sau đó, vì lý do kinh tế nên năm 2018 anh D qua Đài Loan xuất khẩu lao động, do công việc bận rộn cũng như bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hoà giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Xuân D để sớm ổn định được cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Thảo N, sinh ngày 18/9//2017. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn mong muốn được nuôi con để bảo đảm môi trường sống và học tập không bị thay đổi và yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2026 của anh Trần Xuân D *có chứng thực của* Văn phòng K *tại* Đ *trình bày:* Anh và chị Hồ Thị Mỹ L tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/02/2017. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình. Thời gian sau đó, vì lý do kinh tế nên năm 2018 anh qua Đài Loan xuất khẩu lao động, do công việc bận rộn cũng như bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hoà giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài. Anh nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Thảo N, sinh ngày 18/9//2017. Cháu N đang sống cùng mẹ nên để bảo đảm môi trường sống và học tập không bị thay đổi anh đồng ý giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh D1 trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Trần Xuân D thông qua người thân anh D là bà Phạm Thị L1 - Mẹ đẻ anh D, bà L1 cho biết anh D và chị L đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân UBND xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 2017 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng Dũng L2 có mâu thuẫn gì thì bà không rõ, quyền quyết định là ở hai vợ chồng, anh D2 cũng liên lạc về với bố mẹ để thông báo việc chị L2 xin ly hôn. Quá trình chung sống anh D và chị L2 có 01 con chung hiện đang sống cùng mẹ. Theo bà được biết anh D và chị L2 quá trình chung sống không có tài sản chung hay nợ chung gì. Anh D1 hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay không về, bà không biết được địa chỉ cụ thể của anh D1. Tuy nhiên, bà đã nhận được các văn bản tố tụng mà Toà án gửi cho anh D1 và đã thông báo cho anh D1 biết nhưng do đi làm ăn tại Đài Loan nên không thể tới Toà án trình bày quan điểm, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh D1.

Tại phiên toà, đại diện VKSND Khu vực 1 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81,82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 238, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Xuân D; về con chung: Giao 01 con chung là Trần Thảo N, sinh ngày 18/9/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 06/2026; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí buộc chị L3 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Dũng phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 2795/PA08-Đ1, ngày 24/4/2026 của Phòng Q1 Công an tỉnh Q về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Trần Xuân D đã xuất cảnh ngày 20/7/2023, không thấy thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Theo thông tin người nhà anh D cho biết hiện tại anh đang lao động tại Đài Loan. Chị L không cung cấp được địa chỉ cư trú của anh D ở nước ngoài. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh D đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và Nghị Q số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Toà án nhân dân Khu vực 1 đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Trần Xuân D qua bà Phạm Thị L1 là mẹ của anh D. Bà L1 không cung cấp địa chỉ hiện tại của anh D tại nước ngoài. Anh Trần Xuân D đã gửi Bản tự khai ngày 24/02/2026 từ nước ngoài về cho người đại diện theo uỷ quyền nộp cho Tòa án có xác nhận của Văn phòng K tại Đ đề nghị không tiến hành hoà giải, sớm đưa vụ án ra xét xử và giải quyết, xét xử vắng mặt anh D. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 228, 478 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D đăng ký kết hôn ngày 20/02/2017 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị). Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Các bên đương sự đều thừa nhận có mâu thuẫn gia đình, đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau, không ai muốn níu kéo hôn nhân. Chị L làm đơn xin ly hôn thì anh D cũng đồng ý. Vì

vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Mỹ L xin được ly hôn anh Trần Xuân D là phù hợp với ý kiến của kiểm sát viên và phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh D có 01 con chung là Trần Thảo N, sinh ngày 18/9/2017. Chị L và anh D đều có nguyện vọng giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu N trưởng thành tròn 18 tuổi, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện của các bên về việc nuôi con và cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Mỹ L và anh Trần Xuân D đều khai vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Hồ Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, chị L tự nguyện nộp thay cho anh D.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Mỹ L và anh Trần Xuân D có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 227, 228, 273, 464, 469, 478 khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ L, xử cho chị Hồ Thị Mỹ L được ly hôn anh Trần Xuân D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Thảo N, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Hồ Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Dũng tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu N trưởng thành tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Trần Xuân D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Hồ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0000605 ngày 06/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị L đã nộp đủ. Anh Trần Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, chị L tự nguyện nộp thay cho anh D.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Xuân D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Q;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã B;

Số GCNKH: 05 ngày 20/02/2017;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang